

MỘT SỐ THAY ĐỔI VỀ ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH VIỆT NAM CỘNG HÒA Ở MIỀN NAM VIỆT NAM (1954-1965)

TRẦN THỊ VUI – NGUYỄN THỊ THANH THỦY

Trung tâm Lưu trữ quốc gia II

Cùng với quá trình tồn tại của chế độ tay sai thân Mỹ, chính quyền Ngô Đình Diệm liên tục thực hiện thay đổi bộ máy hành chính, theo đó địa giới hành chính các cấp cũng biến đổi theo.

Trong những năm đầu nắm quyền, Ngô Đình Diệm giữ nguyên hệ thống hành chính như thời kỳ thực dân Pháp. Việt Nam (được hiểu là toàn bộ lãnh thổ từ Bắc chí Nam) được giới chức miền Nam chia làm ba vùng là Nam Việt, Trung Việt và Bắc Việt, trong đó miền Nam Việt Nam bao gồm toàn bộ vùng Nam Việt, Cao nguyên miền Nam và một Phần Trung Việt¹.

Đến cuối năm 1955, sau khi dẹp xong các lực lượng giáo phái, tổ chức truất phế Bảo Đại, tự đưa mình lên ngôi vị Tổng thống, một chính thể cộng hòa thiết lập ở miền Nam Việt Nam ở phía Nam vĩ tuyến 17. Lúc đó, chính quyền Ngô Đình Diệm mới thực sự có những thay đổi rõ rệt về hệ thống hành chính các cấp.

Cụ thể:

- Mở đầu bằng Dự số 17 ngày 24/12/1955, thay thế chế độ Ủy ban tại các phần bằng các Đại biểu chính phủ, thu hẹp quyền hạn và bãi bỏ ngân sách của các phần;

- Ngày 23/10/1956, bằng Sắc lệnh số 144a/TTP, chính quyền Ngô Đình Diệm tiến hành thay đổi tên gọi và địa giới các vùng trong toàn lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Nam Việt, Bắc Việt, Trung Việt từ nay được gọi là Nam Phần, Trung Phần và Bắc Phần;

- Ngày 24/10/1956, Ngô Đình Diệm ban hành tiếp Sắc lệnh số 147-a ấn định chia Trung phần làm 2 miền Cao nguyên và Trung nguyên. “*Lãnh thổ Cao nguyên Trung phần là lãnh thổ của cao nguyên miền Nam cũ; Lãnh thổ Trung nguyên Trung phần là lãnh thổ của*

Trung Việt cũ; Tại Trung phần sẽ có một đại biểu Chính phủ và một đại biểu phụ tá; Trụ sở tòa đại biểu Trung phần đặt tại Ban Mê Thuột; Trụ sở tòa đại biểu phụ tá đặt tại Huế”²;

- Ngày 15/4/1959, Diệm ban hành tiếp Sắc lệnh số 87- TTP, thiết lập chức vụ đại biểu chánh phủ tại Tây Nam Nam phần gồm các tỉnh sau đây: Long An, Định Tường, Kiến Tường, Kiến Phong, Kiến Hòa, Vĩnh Bình, Vĩnh Long, An Giang, Kiên Giang, Phong Dinh, Ba Xuyên, An Xuyên. Tòa đại biểu chánh phủ tại Tây Nam Nam phần đặt tại Cần Thơ;

- Ngày 18/6/1959, Sắc lệnh số 138 được ban hành để thiết lập chức vụ Đại biểu chánh phủ cho miền Đông Nam phần gồm các tỉnh: Gia Định, Bình Dương, Tây Ninh, Biên Hòa, Bình Long, Phước Long, Phước Thành, Long Khánh, Phước Tuy, Bình Tuy. Tòa Đại biểu chính phủ miền Đông Nam phần đặt tại Bình Dương;

- Ngày 22/10/1956 Tổng thống Việt Nam Cộng hòa ra Sắc lệnh số 143 – NV thay đổi địa giới và tên Đô Thành Sài Gòn - Chợ Lớn cùng các tỉnh và tỉnh lỵ tại Nam Việt Nam, theo đó địa phận Nam Việt nay gồm thêm một phần tỉnh Bình Thuận và được chia thành hai khu là Đô Thành Sài Gòn và hai mươi tỉnh còn lại. Đô Thành Sài Gòn – Chợ Lớn và các tỉnh, tỉnh lỵ hiện thời được thay đổi địa giới, thay tên theo danh sách. Sắc lệnh cũng quy định Bộ trưởng Nội vụ sẽ quy định chương trình sát nhập trước ngày 1/1/1957, và ra lệnh cho các tỉnh trưởng sở quan sửa đổi và lập bảng danh sách thôn, xã, tổng và quận cho từng tỉnh chiếu theo ranh giới mới³;

- Ngày 28/8/1956 một phiên họp diễn ra tại Dinh Độc Lập để nghiên cứu các vụ việc sửa ranh giới sáp nhập các tỉnh ở Nam Việt tiện việc tổ chức hành chính. Theo biên bản này thì sự sáp nhập tỉnh nhỏ qua tỉnh lớn là để làm vững

Công bố - Khai thác phát huy giá trị tài liệu lưu trữ

chắc nền tảng hành chánh và tài chánh của mỗi tỉnh, lễ cổ nhiên hậu quả của sự cải cách này cũng sẽ ảnh hưởng đến sự củng cố nền tảng quân sự. Chu vi mỗi tỉnh sẽ có từ 250.000 tới 300.000 mẫu tây. Trong khi đề nghị ranh giới mới, Ủy ban sẽ chú ý nhất đến vấn đề an ninh, trật tự và kinh tế. Cũng theo biên bản của phiên họp này thì sẽ có 3 tỉnh mới được thành lập:

+ Xuân Lộc: gồm quận Xuân Lộc trừ một phần tổng Tà Lài, quận Hàm Tân, quận Tân Linh và một phần tỉnh Darlac;

+ Bà Rịa: quận Bà Rịa (Biên Hoà) + một phần quận Bù Đốp;

+ Hớn Quản: quận Hớn Quản + một phần quận Bến Cát + một phần quận Bù Đốp;

+ Sát nhập mấy tỉnh nhỏ, như Vũng Tàu, Gò Công, Tân An, Sa Đéc, Hà Tiên... qua các tỉnh lớn kế cận.

Rốt cục sẽ còn các tỉnh sau đây:

- Bà Rịa: Bà Rịa + 1 phần Vũng Tàu;
- Biên Hoà: Biên Hoà- (Xuân Lộc + Bà Rịa);
- Tây Ninh: như cũ;
- Gia Định: Gia Định - 1 phần Gò Vấp, 1 phần Tân Bình, Quận Nhà Bè + quận Lái Thiêu, Châu Thành Thủ Dầu Một, Bến Cát và Dầu Tiếng;

- Chợ Lớn: Chợ Lớn + Tân An + Nhà Bè + 1 phần tỉnh Mộc Hoá;

- Mỹ Tho: Mỹ Tho + Gò Công;

- Bến Tre: như cũ;

- Mộc Hoá: Mộc Hoá - 1 phần Chợ Lớn;

- Phong Thạnh: như cũ;

- Trà Vinh: Trà Vinh + 1 phần Tam Cần tới Trà Ôn + quận Vũng Liêm + 1 phần tỉnh Long Xuyên tới Lấp Vò;

- Vĩnh Long: Vĩnh Long + trọn tỉnh Sa Đéc + 1 phần tỉnh Long Xuyên tới Lấp Vò;

- Cần Thơ: Cần Thơ - 1 phần tỉnh Định Phước + quận Thốt Nốt (Long Xuyên), quận Giồng Riềng (Rạch Giá), quận Long Mỹ (Sóc Trăng) + Kế Sách (Sóc Trăng);

- Bạc Liêu: Bạc Liêu- 1 phần tổng Thanh Tuyên + Sóc Trăng - quận Long Mỹ- quận Kế Sách;

- Long Xuyên: Long Xuyên - quận Lấp Vò - quận Thốt Nốt - trọn Châu Đốc;

- Rạch Giá: - Long Thới (Thới Bình) - Giồng Riềng + trọn Hà Tiên + 1 phần tổng Thanh Tuyên;

- Cà Mau: Cà Mau + tổng Long Thới;

- Tam Cần: giữ tạm thời.

Ngày 27/7/1960, Bộ Nội vụ ra công văn số 1350/BNV/NV/3/TM, về việc phân chia diện tích tỉnh ra từng khu để giao cho nhân viên hành chính phụ trách, chiếu theo thông tư số 709/BNV/NV/TM, ngày 28/4/1960, Bộ Nội vụ có chỉ thị cho các tỉnh Nam Phần phân chia diện tích của tỉnh ra từng khu giao cho nhân viên hành chính đáng tin cậy và có kinh nghiệm nghiên cứu. Nhân viên phụ trách mỗi khu phải thu nhập đầy đủ tài liệu trên mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, nhất là việc phân định quần chúng rồi lập báo cáo tỉ mỉ trình Ủy ban An ninh tỉnh khai thác và phối kiểm.

- An Giang: Chia làm 19 vùng giao cho Trưởng Ty, Trưởng Chi phụ trách. Mỗi vùng là một Tổng hoặc một số từ 3 đến 8 xã;

- An Xuyên: chia làm 14 đoàn giao cho Trưởng Ty chủ sự Phòng hoặc phụ tá Quận Trưởng phụ trách. Kế hoạch của tỉnh chia làm 2 đợt. Trong đợt đầu sẽ có những cuộc hành quân. Các đoàn sẽ nhận nhiệm vụ để điều nghiên tình hình. Đến đợt sau tỉnh sẽ chia vùng cho nhân viên phụ trách;

- Ba Xuyên: chia làm 12 vùng giao cho Trưởng Ty hoặc chủ sự Phòng tại Toà Hành chính phụ trách. Phó Tỉnh Trưởng Hành chính và Nội An mỗi người chịu trách nhiệm hướng dẫn 6 đoàn. Mỗi đoàn hoạt động 1 Quận, nếu là quận nhỏ còn quận lớn chia diện tích đồng đều 2 đoàn phụ trách;

- Biên Hoà: chia làm 17 vùng giao cho chủ sự phòng và nhân viên Toà Hành chính phụ trách, được phân chia như sau: (1) Quận Châu Thành 10 vùng; (2) Quận Long Thành 4 vùng; (3) Quận Dĩ An 3 vùng;

- Bình Dương: chia làm 20 vùng giao cho chánh Tổng và nhân viên Toà Hành chính phụ trách. Mỗi vùng gồm từ 1 đến 5 xã tùy theo diện tích lớn nhỏ;

Công bố - Khai thác phát huy giá trị tài liệu lưu trữ

- Bình Long: chia làm 21 vùng giao cho nhân viên Tòa Hành chính phụ trách. Trong số này, 19 vùng lấy xã làm một vùng, riêng 2 xã thượng thì từ 6 đến 8 xã là 1 vùng;

- Bình Tuy: chia làm 7 vùng giao cho Trưởng Ty, Chủ sự Phòng hoặc nhân viên Tòa Hành chính phụ trách. Mỗi vùng gồm từ 2 đến 3 xã;

- Định Tường: chia làm 15 vùng giao cho Trưởng Ty phụ trách. Mỗi vùng là 1 Tổng;

- Gia Định: chia làm 28 vùng giao cho nhân viên Tòa Hành chính và nhân viên các Quận phụ trách, được phân chia như sau: (1) Quận Gò Vấp 4 vùng; (2) Quận Tân Bình 6 vùng; (3) Quận Hóc Môn 4 vùng; (4) Quận Thủ Đức 4 vùng; (5) Quận Nhà Bè 3 vùng; (5) Quận Bình Chánh 7 vùng;

- Kiên Giang: chia làm 8 vùng giao cho Trưởng Ty hoặc chủ sự Phòng tại Tòa Hành chính phụ trách. Mỗi vùng là một quận và mỗi vùng lại chia ra từ 2 đến 3 tiểu vùng;

- Kiến Hòa: chia làm 14 vùng giao cho Trưởng Ty, Chủ sự hoặc nhân viên Tòa Hành chính phụ trách mà nòng cốt thu lượm tin tức là giáo viên. Mỗi vùng gồm từ 5 đến 16 xã;

- Kiến Phong: chia làm 8 vùng giao cho Trưởng Ty phụ trách. Quận nhỏ lấy 1 Quận làm vùng, còn quận lớn chia một quận thành 3 vùng như sau: (1) Quận Mỹ An 1 vùng; (2) Quận Thanh Bình 1 vùng; (3) Quận Cao Lãnh 3 vùng; (4) Quận Hồng Ngự 3 vùng;

- Kiến Tường: chia làm 23 vùng giao cho nhân viên Tòa Hành chính phụ trách. Mỗi xã là một vùng;

- Long An: chia làm 30 vùng, chia 2 giao cho nhân viên Tòa Hành chính và nhân viên Quận phụ trách. Mỗi vùng gồm từ 3 đến 5 xã;

- Long Khánh: chia làm 16 vùng giao cho Trưởng Ty và chủ sự phụ trách. Mỗi vùng là một xã;

- Phước Long: chia làm 20 vùng giao cho Chủ sự Phòng và nhân viên Tòa Hành chính phụ trách. Mỗi là một xã;

- Phước Thành: chia làm 4 vùng giao cho 4 chủ sự Phòng tại Tòa Hành chính quận Tân Uyên diện tích rộng chia làm 2 vùng.

Phong Dinh: chia làm 15 vùng giao cho Trưởng Ty phụ trách. Mỗi vùng gồm từ 2 đến 4 xã;

- Phước Tuy: chia làm 24 vùng giao cho nhân viên Tòa Hành chính cá Quận phụ trách. Tùy diện tích lớn nhỏ, mỗi quận được chia từ 2 đến 5 vùng như sau: (1) Châu Thành Phước Lễ 5 vùng; (2) Quận Châu Thành 3 vùng; (3) Quận Long Điền 4 vùng; (4) Quận Vũng Tàu 5 vùng; (5) Quận Xuyên Mộc 2 vùng; (6) Quận Côn Lôn 3 vùng; (7) Quận Quảng Xuyên 2 vùng;

- Vĩnh Bình: chia làm 9 vùng giao cho Trưởng Ty công chức Tòa Hành chính và thân hào phụ trách. Mỗi vùng là một quận. Về mặt tình báo nhân dân Tỉnh còn chia ra nhiều Tiểu khu giao cho giáo viên, điền chủ và lực lượng mật hộ viên. Nhờ hệ thống tình báo này Tỉnh đã lập được nhiều thành tích khả quan tại các Quận Cầu Ngang, Trà Cú, Long Toàn;

- Vĩnh Long: chia ra làm 6 vùng giao cho 6 chủ sự Phòng tại Tòa Hành chính phụ trách. Mỗi vùng là một quận⁴.

Dựa trên các sắc lệnh, số liệu báo cáo và biên bản các phiên họp của chính quyền Sài Gòn, danh sách các tỉnh có thể được thống kê chi tiết. Bảng thống kê này cho thấy có sự biến động về số lượng tỉnh trên toàn miền Nam Việt Nam cũng như cụ thể ở miền Tây, miền Đông và Cao nguyên trong giai đoạn 1957 - 1964:

Danh sách các tỉnh và sự thay đổi địa danh từ 1957- 1964

- Các tỉnh Nam phần⁵

STT	TỈNH			
	Năm 1957	Năm 1961	Năm 1964	
			Đông Nam Phần	Tây Nam Phần
1	An Giang	An Giang	Biên Hòa	An Giang
2	An Xuyên	An Xuyên	Bình Dương	An Xuyên

Công bố - Khai thác phát huy giá trị tài liệu lưu trữ

3	Ba Xuyên	Ba Xuyên	Bình Long	Bạc Liêu
4	Biên Hoà	Biên Hoà	Bình Tuy	Ba Xuyên
5	Bình Dương	Bình Dương	Gia Định	Châu Đốc
6	Bình Long	Bình Long	Hậu Nghĩa	Chương Thiện
7	Bình Tuy	Bình Tuy	Long Khánh	Định Tường
8	Côn Sơn	Côn Sơn	Phước Long	Gò Công
9	Định Tường	Định Tường	Phước Tuy	Kiên Giang
10	Gia Định	Gia Định	Tây Ninh	Kiến Hoà
11	Kiên Giang (Châu Thành Rạch Giá)	Kiên Giang	Thị xã Vũng Tàu	Kiến Phong
12	Kiến Hòa	Kiến Hoà		Kiến Tường
13	Kiến Phong	Kiến Phong		Long An
14	Kiến Tường	Định Tường		Phong Dinh
15	Long An	Long An		Vĩnh Bình
16	Long Khánh	Long Khánh		Vĩnh Long
17	Phong Dinh	Phong Dinh		
18	Phước Long	Phước Long		
19	Phước Tuy	Phước Tuy		
20	Tây Ninh	Phước Thành		
21	Vĩnh Bình	Tây Ninh		
22	Vĩnh Long	Vĩnh Bình		
Cộng	22	22	27	

- Trung phần⁶

STT	CÁC TỈNH					
	Trung nguyên Trung Phần			Cao nguyên Trung Phần		
	1957	1961	1964	1957	1961	1964
1	Bình Định	Bình Định	Bình Định	Darlac	Darlac	Darlac
2	Bình Thuận	Bình Thuận	Bình Thuận	Kontum	Kontum	Kontum
3	Khánh Hoà	Khánh Hoà	Khánh Hoà	Pleiku	Pleiku	Pleiku
4	Ninh Thuận	Ninh Thuận	Ninh Thuận	Đồng Nai Thượng	Lâm Đồng	Lâm Đồng
5	Quảng Nam	Quảng Nam	Quảng Nam		Quảng Đức	Quảng Đức
6	Phú Yên	Phú Yên	Phú Yên		Tuyên Đức	Tuyên Đức
7	Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	Quảng Ngãi			Phú Bổn
8	Quảng Trị	Quảng Trị	Thừa Thiên			
9	Thừa Thiên	Thừa Thiên	Quảng Trị			
10			Quảng Tín			

Tính đến ngày 10/9/1964, Nam phần gồm 27 tỉnh, Trung nguyên Trung phần có 10 tỉnh và Cao nguyên Trung phần gồm 7 tỉnh.

Như vậy, trong thời kỳ tồn tại của nền Đế nhất Cộng hòa, miền Nam Việt Nam được chia

thành nhiều tỉnh, và phân nhỏ địa giới hành chính hơn trước. Điều này giúp chính quyền Sài Gòn quản lý chặt chẽ về mặt hành chính, cũng đồng thời siết chặt quản lý để giảm tới thiểu ảnh hưởng của lực lượng cách mạng ở các vùng đặc biệt là vùng nông thôn./.

Chú thích:

1. TTLTQG II. Sắc lệnh số 61- QP ngày 2/6/1952, CBVN 1956
2. TTLTQG II. Sắc lệnh số 61- QP ngày 2/6/1952, CBVN 1956, tr 2715, 2716

3. TTLTQG II. CBVN 1956, trang 2649
4. TTLTQG II. Phòng ĐỊCH, hồ sơ số: 2184
5. TTLTQG II. Tổng hợp số liệu từ: phòng ĐỊCH, hồ sơ số: 1169; phòng PTTg, hồ sơ số: 5012; phòng PTTg, hồ sơ số: 5012
6. TTLTQG II. Phòng ĐỊCH, hồ sơ số: 1169; phòng PTTg, hồ sơ số: 5012; phòng PTTg, hồ sơ số: 5012

GIỚI THIỆU MỘT SỐ PHÒNG LƯU TRỮ ...

(Tiếp theo trang 24)

... Hồ sơ, tài liệu về Thi đua - Khen thưởng chủ yếu là các bản khai thành tích kháng chiến của quân và dân tỉnh Hà Bắc với các hình thức, mức độ khen thưởng khác nhau: Huân chương, Huy chương các hạng... Khối tài liệu này có giá trị rất lớn trong việc phục vụ độc giả tra cứu đề được hưởng các chế độ, chính sách của Nhà nước cho các đối tượng đã từng tham gia các cuộc kháng chiến chống Pháp, Mỹ.

3. Thời kỳ Bắc Giang II (1997 - nay)

Tại Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa IX (ngày 06/11/1996) đã ra Nghị quyết chia tách tỉnh Hà Bắc thành hai tỉnh Bắc Giang và Bắc Ninh. Tỉnh Bắc Giang chính thức đi vào hoạt động và làm việc theo đơn vị hành chính mới từ ngày 01/01/1997 cho đến nay. Sự thay đổi này kéo theo sự thay đổi về mặt tổ chức của các cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh. Cho đến nay, trải qua rất nhiều lần thay đổi tỉnh Bắc Giang đã ổn định về mặt tổ chức, có một hệ thống các cơ quan chuyên môn có chức năng tham mưu giúp việc cho UBND tỉnh quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực. Mặc dù vậy, giai đoạn tỉnh Bắc Giang tái thành lập cũng đã có không ít cơ quan đã ngừng hoạt động do thay đổi mô hình tổ chức, sáp nhập, giải thể, đổi tên cơ quan đó là: Sở Công nghiệp & Tiểu thủ công nghiệp, Sở Thương mại và Du lịch, Ban Tổ chức chính quyền tỉnh Bắc Giang...

Đến nay, Trung tâm Lưu trữ lịch sử của tỉnh đã tiến hành thu thập được 12 phòng của các cơ quan đã và đang hoạt động trên địa bàn tỉnh, với tổng số 427,2 mét, 3.442 hộp, tương ứng 21.975 hồ sơ. Trong số đó có 05 phòng đóng, với 82,9 mét, 729 hộp, tương ứng 4.152 hồ sơ. Thời gian tài liệu sớm nhất của thời kỳ này là năm 1997 muộn nhất là năm 2014. Toàn bộ hồ sơ, tài liệu của các phòng thời kỳ Bắc Giang II đã được chỉnh lý, sắp xếp bố trí theo khu vực bảo quản của từng phòng riêng.

Thành phần và nội dung của các phòng giai đoạn này chủ yếu tập trung vào một số nội dung như công tác chỉ đạo, điều hành của tỉnh về ổn định tình hình chính trị, tổ chức các cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội, Đại biểu HĐND các cấp, các kỳ họp HĐND, UBND tỉnh; đẩy mạnh phát triển kinh tế xã hội trên nhiều mặt như văn hóa, giáo dục, y tế, tài chính, lao động thương binh xã hội, cải cách hành chính trên các lĩnh vực; phát triển công tác cán bộ, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ; đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước, đảm bảo đủ điều kiện, tiềm lực về nhân lực, vật lực để đáp ứng được đòi hỏi của công nghệ theo lộ trình của chính phủ điện tử.

Với mục đích tăng cường phát huy giá trị của tài liệu lưu trữ, Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Bắc Giang đang từng bước tham mưu hoàn thiện Kho Lưu trữ chuyên dụng để tiến hành thu thập, bổ sung, số hóa và đổi mới các hình thức khai thác sử dụng tài liệu lưu trữ nhằm đưa tài liệu lưu trữ đến gần hơn với các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh nói riêng và trong cả nước nói chung./.